



**FPT POLYTECHNIC**

[www.poly.edu.vn](http://www.poly.edu.vn)

# **XÂY DỰNG GIAO DIỆN TƯƠNG TÁC BACKEND**

## **BÀI 2:**

# **THIẾT KẾ TABLES, FORMS VÀ TABS VỚI BOOTSTRAP**

- ⊙ Kết thúc bài học này bạn có khả năng
  - Định dạng bảng sử dụng BS5
  - Thiết kế form
  - Sử dụng tabs
  - Sử dụng hộp thoại Modal



- 📖 Phần I: Thiết kế Tables, Forms và Tabs
  - ❖ Thiết kế bảng
  - ❖ Xây dựng form
- 📖 Phần II: Thiết kế Tables, Forms và Tabs (tt)
  - ❖ Tạo button
  - ❖ Button group
  - ❖ Button addons
  - ❖ Sử dụng tabs
  - ❖ Modal Popup



**BÀI 2:**  
**THIẾT KẾ TABLES, FORMS, VÀ TABS**  
**VỚI BOOTSTRAP**

**PHẦN I: THIẾT KẾ TABLES, FORMS**  
**VÀ TABS**

- ❑ Bảng cơ bản trong Bootstrap 5 với class **.table** sẽ có một chút padding và dải phân cách ngang. Ví dụ:

Họ	Tên	Email
Trần Văn	Nam	nam@example.com
Nguyễn Thị	Lan	lan@example.com

```
<table class="table">
  <thead>
    <tr>
      <th>Họ</th>
      <th>Tên</th>
      <th>Email</th>
    </tr>
  </thead>
  <tbody>
    <tr>
      <td>Trần Văn</td>
      <td>Nam</td>
      <td>nam@example.com</td>
    </tr>
    <tr>
      <td>Nguyễn Thị</td>
      <td>Lan</td>
      <td>lan@example.com</td>
    </tr>
  </tbody>
</table>
```

❑ Class **.table-bordered** sẽ tạo viền trên tất cả các ô và cạnh. Ví dụ:

```
<table class="table table-bordered">
  <thead>
    <tr>
      <th>Họ</th>
      <th>Tên</th>
      <th>Email</th>
    </tr>
  </thead>
  <tbody>
    <tr>
      <td>Trần Văn</td>
      <td>Nam</td>
      <td>nam@example.com</td>
    </tr>
    <tr>
      <td>Nguyễn Thị</td>
      <td>Lan</td>
      <td>lan@example.com</td>
    </tr>
  </tbody>
</table>
```

Họ	Tên	Email
Trần Văn	Nam	nam@example.com
Nguyễn Thị	Lan	lan@example.com

- ❑ Class **.table-striped** sẽ tạo màu nền trắng và xám xen kẽ giữa các hàng ngang. Ví dụ:

```
<table class="table table-striped">
  <thead>
    <tr>
      <th>Họ</th>
      <th>Tên</th>
      <th>Email</th>
    </tr>
  </thead>
  <tbody>
    <tr>
      <td>Trần Văn</td>
      <td>Nam</td>
      <td>nam@example.com</td>
    </tr>
    .....
  </tbody>
</table>
```

Họ	Tên	Email
Trần Văn	Nam	nam@example.com
Nguyễn Thị	Lan	lan@example.com
Lê Văn	Hòa	hoa@example.com
Phạm Minh	Đức	duc@example.com

❑ Class **.table-hover** sẽ tạo hiệu ứng hover khi di chuyển chuột trên hàng ngang. Ví dụ:

```
<table class="table table-hover">
  <thead>
    <tr>
      <th>Họ</th>
      <th>Tên</th>
      <th>Email</th>
    </tr>
  </thead>
  <tbody>
    <tr>
      <td>Trần Văn</td>
      <td>Nam</td>
      <td>nam@example.com</td>
    </tr>
    .....
  </tbody>
</table>
```

Hàng ngang đổi  
thành nền xám khi  
di chuyển chuột vào

Họ	Tên	Email
Trần Văn	Nam	nam@example.com
Nguyễn Thị	Lan	lan@example.com



❑ Class **.table-dark** sẽ tạo nền đen cho bảng. Ví dụ:

```
<table class="table table-dark">
  <thead>
    <tr>
      <th>Họ</th>
      <th>Tên</th>
      <th>Email</th>
    </tr>
  </thead>
  <tbody>
    <tr>
      <td>Trần Văn</td>
      <td>Nam</td>
      <td>nam@example.com</td>
    </tr>
    <tr>
      <td>Nguyễn Thị</td>
      <td>Lan</td>
      <td>lan@example.com</td>
    </tr>
  </tbody>
</table>
```

Họ	Tên	Email
Trần Văn	Nam	nam@example.com
Nguyễn Thị	Lan	lan@example.com

# KẾT HỢP BẢNG MÀU TỐI VỚI HOVER ROWS

- ❑ Kết hợp class **.table-dark** và class **.table-hover** sẽ tạo bảng nền đen có hiệu ứng đổi màu hàng ngang khi hover. Ví dụ:

```
<table class="table table-dark table-hover">
  <thead>
    <tr>
      <th>Họ</th>
      <th>Tên</th>
      <th>Email</th>
    </tr>
  </thead>
  <tbody>
    <tr>
      <td>Trần Văn</td>
      <td>Nam</td>
      <td>nam@example.com</td>
    </tr>
    .....
  </tbody>
</table>
```

Hàng ngang đổi  
thành nền xám khi  
di chuyển chuột vào

Họ	Tên	Email
Trần Văn	Nam	nam@example.com
Nguyễn Thị	Lan	lan@example.com
Lê Văn	Hòa	hoa@example.com
Phạm Minh	Đức	duc@example.com

- ❑ BS5 cung cấp nhiều kiểu điều khiển, tùy chọn bố cục và các thành phần tùy chỉnh để tạo nhiều Form (biểu mẫu) khác nhau.

Form control	Select menu
Checks & radios	Range
Input group	Floating labels
Layout	Validation

- ❑ Các điều khiển form được tạo kiểu bằng cách kết hợp các biến Sass và CSS, cho phép chúng thích ứng với các chế độ màu và hỗ trợ bất kỳ phương pháp tùy chỉnh nào.

```
div class="mb-3">
  <label class="form-label">
    Email address
  </label>
  <input type="email" class="form-control"
    placeholder="name@example.com">
</div>
<div class="mb-3">
  <label class="form-label">
    Example textarea
  </label>
  <textarea class="form-control" rows="3"></textarea>
</div>
```

Email address

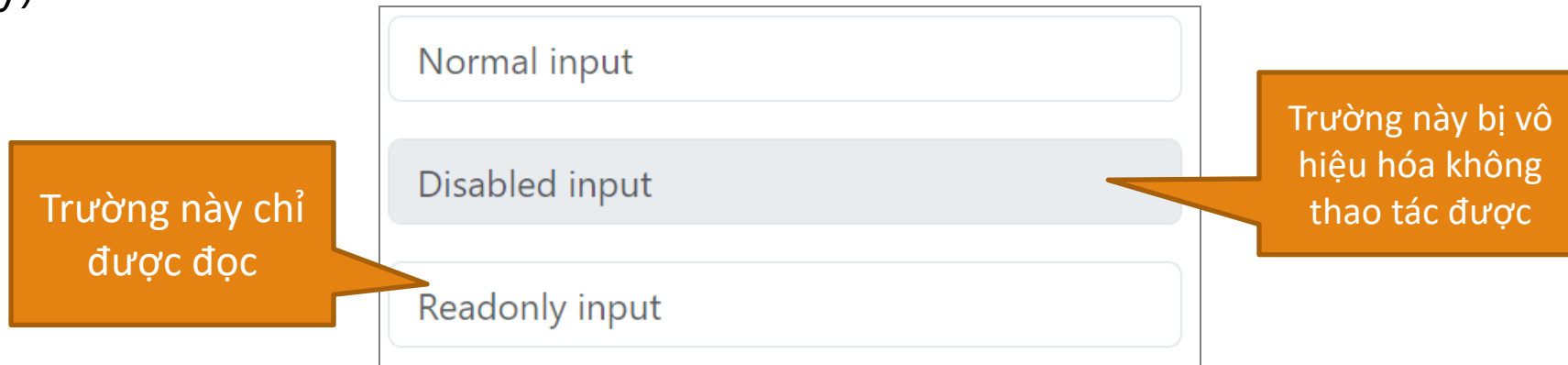
name@example.com

Example textarea

- ❑ **Form Control Size:** có thể thay đổi kích thước của đầu vào `.form-control` bằng `.form-control-lg` hoặc `.form-control-sm`

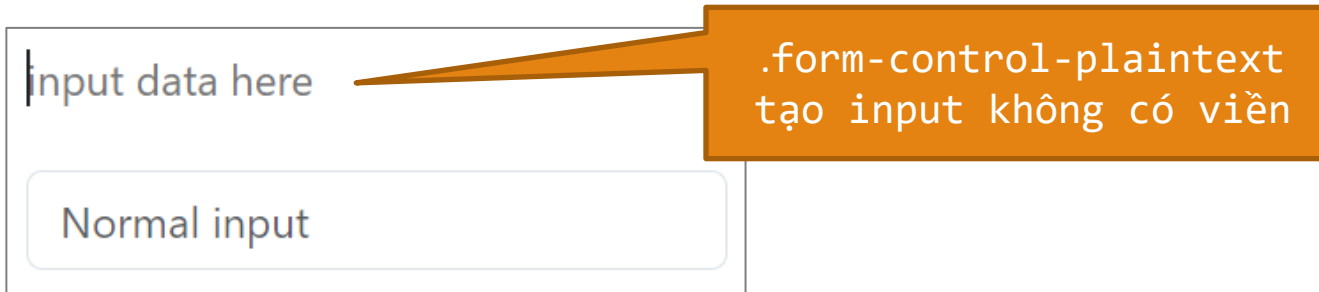
```
<form>
  <input type="text" class="form-control form-control-lg" placeholder="Large input">
  <input type="text" class="form-control mt-3" placeholder="Normal input">
  <input type="text" class="form-control form-control-sm mt-3" placeholder="Small input">
</form>
```

- ❑ **Disabled và Readonly:** Sử dụng các thuộc tính bị vô hiệu hóa (disabled) và chỉ đọc (readonly)



```
<form>  
  <input type="text" class="form-control" placeholder="Normal input">  
  <input type="text" class="form-control" placeholder="Disabled input" disabled>  
  <input type="text" class="form-control" placeholder="Readonly input" readonly>  
</form>
```

- ❑ **Plain text Inputs:** Tạo input với dữ liệu đầu vào không có viền border



```
<input type="text" class="form-control-plaintext" placeholder="input data here">
```

- ❑ **Color picker:** Bộ chọn màu với class **.form-control-color**

```
<input type="color" class="form-control form-control-color" id="myColor" value="#CCCCCC" title="Choose a color">
```



## ❑ File input:

```
<form>
  <div class="mb-3">
    <label class="form-label">Chọn 1 file</label>
    <input class="form-control" type="file">
  </div>
  <div class="mb-3">
    <label class="form-label">Chọn nhiều file</label>
    <input class="form-control" type="file" multiple>
  </div>
  <div class="mb-3">
    <label class="form-label">Đầu vào file bị vô hiệu hóa</label>
    <input class="form-control" type="file" disabled>
  </div>
</form>
```

Chọn 1 file

Chọn tệp

Không có tệp nào được chọn

Chọn nhiều file

Chọn tệp

Không có tệp nào được chọn

Đầu vào file bị vô hiệu hóa

Chọn tệp

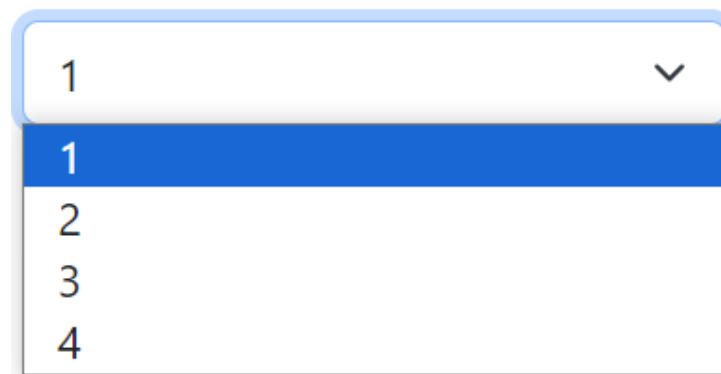
Không có tệp nào được chọn

❑ Xem thêm tại: <https://getbootstrap.com/docs/5.3/forms/form-control/>



- ❑ Select menu được sử dụng với mục đích tạo nhiều lựa chọn cho người dùng chọn với class **.form-select**

```
<select class="form-select">  
  <option>1</option>  
  <option>2</option>  
  <option>3</option>  
  <option>4</option>  
</select>
```



- ❑ Bootstrap cũng hỗ trợ kiểu danh sách dữ liệu, đây là danh sách các tùy chọn được xác định trước cho `<input>`

```
<form>
  <label class="form-label">Chọn trình duyệt từ danh sách:</label>
  <input class="form-control" list="browsers" name="browser">
    <datalist id="browsers">
      <option value="Edge">
      <option value="Firefox">
      <option value="Chrome">
      <option value="Opera">
      <option value="Safari">
    </datalist>
</form>
```

Chọn trình duyệt từ danh sách:

- Edge
- Firefox
- Chrome
- Opera
- Safari

- ❑ Hộp kiểm checkbox: chọn nhiều tùy chọn trong một danh sách các tùy chọn

```
<form>
  <div class="form-check">
    <input type="checkbox" class="form-check-input" checked>
    <label class="form-check-label">Option 1</label>
  </div>
  <div class="form-check">
    <input type="checkbox" class="form-check-input">
    <label class="form-check-label">Option 2</label>
  </div>
  <div class="form-check">
    <input type="checkbox" class="form-check-input" disabled>
    <label class="form-check-label">Option 3</label>
  </div>
</form>
```

A visual representation of the HTML code shown in the box. It displays three options: 'Option 1' with a checked checkbox, 'Option 2' with an unchecked checkbox, and 'Option 3' with a disabled checkbox. An orange callout bubble labeled 'checked' points to the first checkbox, and another orange callout bubble labeled 'disabled' points to the third checkbox.

- ❑ Radio: Nút radio được sử dụng trong trường hợp chỉ chọn một lựa chọn từ danh sách các tùy chọn sẵn có.

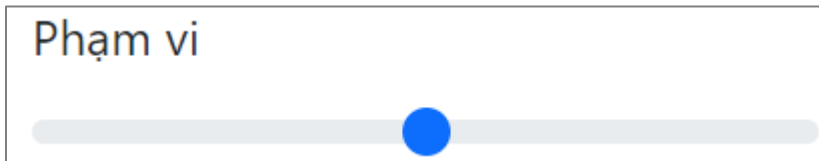
```
<form>
  <div class="form-check">
    <input type="radio" class="form-check-input" checked>
    <label class="form-check-label">Option 1</label>
  </div>
  <div class="form-check">
    <input type="radio" class="form-check-input">
    <label class="form-check-label">Option 2</label>
  </div>
  <div class="form-check">
    <input type="radio" class="form-check-input" disabled>
    <label class="form-check-label">Option 3</label>
  </div>
</form>
```

Option 1 checked

Option 2

Option 3 disabled

- ❑ Range: sử dụng class `.form-range` để tạo kiểu phạm vi cho phần tử `input` với `type="range"`



```
<label for="customRange1" class="form-label">Phạm vi</label>  
<input type="range" class="form-range" id="customRange1">
```


- ❑ Step: mặc định khoảng cách giữa các số trong phạm vi là 1, có thể sử dụng thuộc tính `step` để thiết lập tùy ý

```
<input type="range" class="form-range" step="10">
```

- ❑ Min và Max: mặc định giá trị tối thiểu là 0 và tối đa là 100, có thể sử dụng `min` và `max` để thiết lập tùy ý

```
<input type="range" class="form-range" min="0" max="4">
```

- ❑ Class `.input-group` tạo một vùng bổ sung biểu tượng, văn bản hoặc nút ở phía trước hoặc phía sau `input` dưới dạng "văn bản trợ giúp".



@ Nhập tên

Email @example.com

```
<form>
  <div class="input-group mb-3">
    <span class="input-group-text">@</span>
    <input type="text" class="form-control" placeholder="Nhập tên">
  </div>
  <div class="input-group mb-3">
    <input type="text" class="form-control" placeholder="Email">
    <span class="input-group-text">@example.com</span>
  </div>
</form>
```

- ❑ Multiple Input: Thêm nhiều đầu vào hoặc tiện ích bổ sung. Ví dụ:

Sinh viên	MSSV	Họ và tên
-----------	------	-----------

```
<div class="input-group">  
  <span class="input-group-text">Sinh viên</span>  
  <input type="text" class="form-control" placeholder="MSSV">  
  <input type="text" class="form-control" placeholder="Họ và tên">  
</div>
```

❑ Input group với checkbox và radio. Ví dụ:

```
<div class="input-group mb-3">  
  <div class="input-group-text">  
    <input type="checkbox">  
  </div>  
  <input type="text" class="form-control" placeholder="Nội dung...">  
</div>
```

☐ Nội dung...

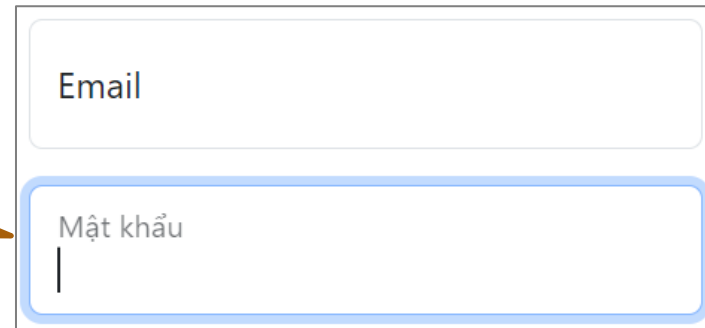
```
<div class="input-group mb-3">  
  <div class="input-group-text">  
    <input type="radio">  
  </div>  
  <input type="text" class="form-control" placeholder="Nội dung...">  
</div>
```

☐ Nội dung...



- ❑ Nhãn nổi: Khi người dùng focus ô nhập giá trị, các nhãn sẽ tự động điều chỉnh theo vị trí nổi của chúng. Ví dụ:

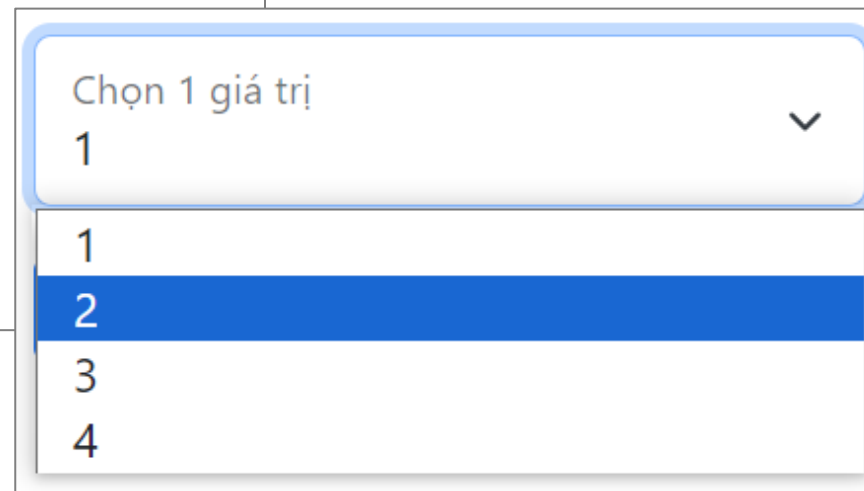
Nhãn nổi lên trên  
khi người dùng  
focus vào



```
<div class="form-floating mb-3 mt-3">
  <input type="text" class="form-control" id="email" placeholder="Enter email">
  <label for="email">Email</label>
</div>
<div class="form-floating mt-3 mb-3">
  <input type="text" class="form-control" id="pwd" placeholder="Enter password">
  <label for="pwd">Mật khẩu</label>
</div>
```

- ❑ Nhãn nổi kết hợp danh sách lựa chọn: nhãn sẽ luôn xuất hiện ở góc bên trái trên cùng, trong menu chọn. Ví dụ:

```
<div class="form-floating">
  <select class="form-select" id="select" name="sellist">
    <option>1</option>
    <option>2</option>
    <option>3</option>
    <option>4</option>
  </select>
  <label for="select" class="form-label">
    Chọn 1 giá trị:
  </label>
</div>
```



- ❑ Form validation: cung cấp phản hồi xác thực dữ liệu có hợp lệ thông qua biểu mẫu HTML5 kết hợp Javascript

The diagram illustrates the state of a registration form before and after validation. An orange arrow points from the initial state on the left to the validated state on the right.

**Initial State (Left):**

- Label: "Họ và tên:"
- Input field: "Nhập họ tên" with a red error icon (⚠️).
- Feedback: "Vui lòng điền vào trường này" (Please fill in this field).
- Label: "Mật khẩu:"
- Input field: "Nhập mật khẩu" with a red error icon (⚠️).
- Feedback: "Vui lòng điền vào trường này" (Please fill in this field).
- Checkbox: ☐ "Đồng ý với các điều khoản" (I agree with the terms).
- Text: "Tick vào hộp thoại để xác nhận" (Click the box to confirm).
- Button: "Submit".

**Validated State (Right):**

- Label: "Họ và tên:"
- Input field: "Nguyễn Văn A" with a green success icon (✅).
- Feedback: "Hợp lệ" (Valid).
- Label: "Mật khẩu:"
- Input field: "....." with a green success icon (✅).
- Feedback: "Hợp lệ" (Valid).
- Checkbox: ☒ "Đồng ý với các điều khoản" (I agree with the terms).
- Feedback: "Hợp lệ" (Valid).
- Button: "Submit".

```
<form class="was-validated">
  <div class="mb-3 mt-3">
    <label for="uname" class="form-label">Họ và tên:</label>
    <input type="text" class="form-control" id="uname" placeholder="Nhập họ tên" required>
    <div class="valid-feedback">Hợp lệ</div>
    <div class="invalid-feedback">Vui lòng điền vào trường này</div>
  </div>
  <div class="mb-3">
    <label for="pwd" class="form-label">Mật khẩu:</label>
    <input type="password" class="form-control" id="pwd" placeholder="Nhập mật khẩu" required>
    <div class="valid-feedback">Hợp lệ</div>
    <div class="invalid-feedback">Vui lòng điền vào trường này</div>
  </div>
  <div class="form-check mb-3">
    <input class="form-check-input" type="checkbox" id="myCheck" required>
    <label class="form-check-label" for="myCheck">Đồng ý với các điều khoản</label>
    <div class="valid-feedback">Hợp lệ</div>
    <div class="invalid-feedback">Tick vào hộp thoại để xác nhận</div>
  </div>
  <button type="submit" class="btn btn-primary">Submit</button>
</form>
```



Tạo form đăng ký thành viên bất kỳ và validation bằng BS5

**BÀI 2:**  
**THIẾT KẾ TABLES, FORMS,  
TABS VỚI BOOTSTRAP**

**PHẦN II: THIẾT KẾ TABLES,  
FORMS VÀ TABS (TT)**

- ❑ Class `.btn` dùng để định dạng nút, class `.btn-<status>` dùng để thể hiện hình thức hiển thị của nút

```
<button type="button" class="btn">Basic</button>
<button type="button" class="btn btn-primary">Primary</button>
<button type="button" class="btn btn-secondary">Secondary</button>
<button type="button" class="btn btn-success">Success</button>
<button type="button" class="btn btn-info">Info</button>
<button type="button" class="btn btn-warning">Warning</button>
<button type="button" class="btn btn-danger">Danger</button>
<button type="button" class="btn btn-dark">Dark</button>
<button type="button" class="btn btn-light">Light</button>
<button type="button" class="btn btn-link">Link</button>
```

Basic

Primary

Secondary

Success

Info

Warning

Danger

Dark

Light

[Link](#)

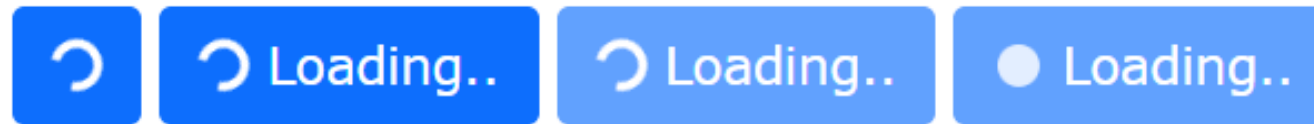
## ❑ Button Outline: BS5 cũng cung cấp dạng nút có viền

```
<button type="button" class="btn btn-outline-primary">Primary</button>  
<button type="button" class="btn btn-outline-secondary">Secondary</button>  
<button type="button" class="btn btn-outline-success">Success</button>  
<button type="button" class="btn btn-outline-info">Info</button>  
<button type="button" class="btn btn-outline-warning">Warning</button>  
<button type="button" class="btn btn-outline-danger">Danger</button>  
<button type="button" class="btn btn-outline-dark">Dark</button>  
<button type="button" class="btn btn-outline-light text-dark">Light</button>
```



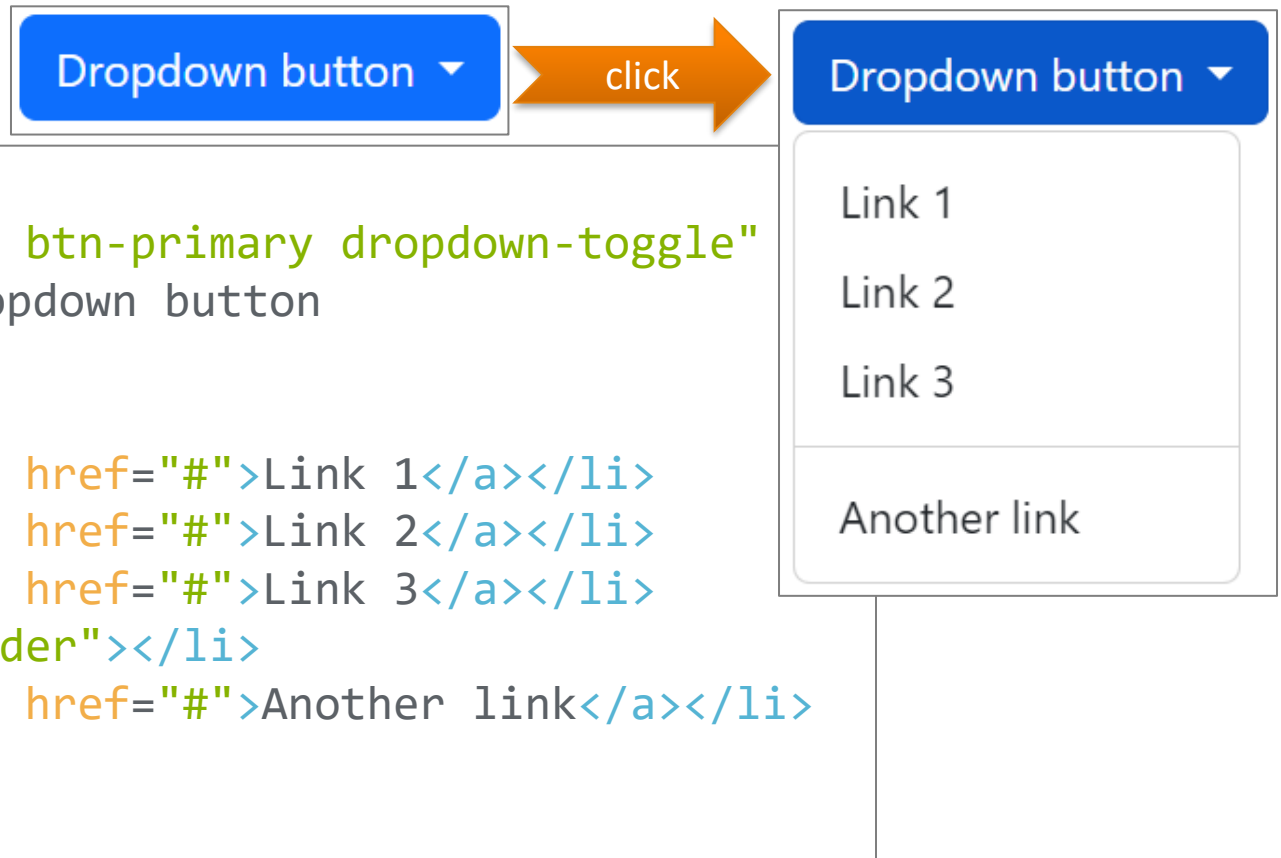


## ❑ Spinner Button:



```
<button class="btn btn-primary">
  <span class="spinner-border spinner-border-sm"></span>
</button>
<button class="btn btn-primary">
  <span class="spinner-border spinner-border-sm"></span> Loading..
</button>
<button class="btn btn-primary" disabled>
  <span class="spinner-border spinner-border-sm"></span> Loading..
</button>
<button class="btn btn-primary" disabled>
  <span class="spinner-grow spinner-grow-sm"></span> Loading..
</button>
```

- ❑ Menu thả xuống là menu cho phép người dùng chọn một giá trị từ danh sách được xác định trước



```
<div class="dropdown">
  <button type="button" class="btn btn-primary dropdown-toggle"
    data-bs-toggle="dropdown">Dropdown button
</button>
<ul class="dropdown-menu">
  <li><a class="dropdown-item" href="#">Link 1</a></li>
  <li><a class="dropdown-item" href="#">Link 2</a></li>
  <li><a class="dropdown-item" href="#">Link 3</a></li>
  <li><hr class="dropdown-divider"></li>
  <li><a class="dropdown-item" href="#">Another link</a></li>
</ul>
</div>
```

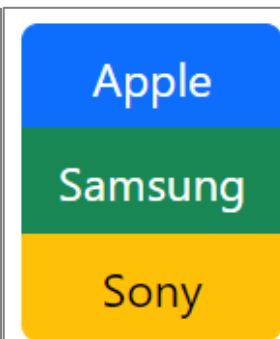
- ❑ BS5 cho phép nhóm một loạt nút lại với nhau (trên một dòng) thành một nhóm nút với class **.btn-group**:



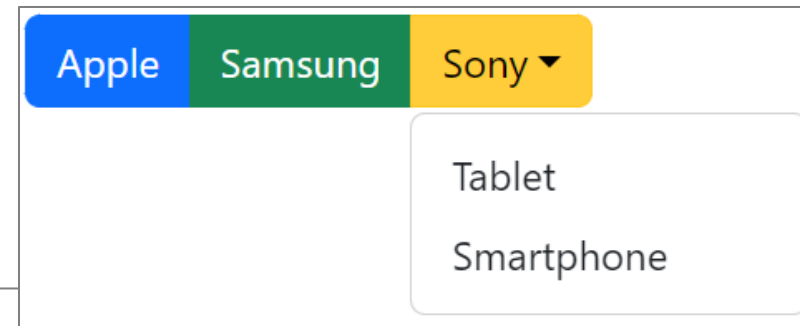
```
<div class="btn-group">
  <button type="button" class="btn btn-primary">Apple</button>
  <button type="button" class="btn btn-primary">Samsung</button>
  <button type="button" class="btn btn-primary">Sony</button>
</div>
```

- ❑ Ngoài ra BS5 cũng hỗ trợ các nhóm nút dọc với class **.btn-group-vertical**

```
<div class="btn-group-vertical">
  <button type="button" class="btn btn-primary">Apple</button>
  <button type="button" class="btn btn-primary">Samsung</button>
  <button type="button" class="btn btn-primary">Sony</button>
</div>
```



# KẾT HỢP BTN GROUP VÀ DROPDOWN



```
<div class="btn-group">
  <button type="button" class="btn btn-primary">Apple</button>
  <button type="button" class="btn btn-success">Samsung</button>
  <div class="btn-group">
    <button type="button" class="btn btn-warning dropdown-toggle" data-bs-toggle="dropdown">
      Sony
    </button>
    <ul class="dropdown-menu">
      <li><a class="dropdown-item" href="#">Tablet</a></li>
      <li><a class="dropdown-item" href="#">Smartphone</a></li>
    </ul>
  </div>
</div>
```

- ❑ **Tab** trong BS5 là dạng danh sách nằm ngang được phân làm từng khối riêng biệt, vừa hiển thị được nhiều nội dung hơn mà còn tiết kiệm được diện tích trên một trang. Ví dụ:



```
<!-- Nav tabs -->
```

```
<ul class="nav nav-tabs" role="tablist">
```

```
  <li class="nav-item">
```

```
    <a class="nav-link active" data-bs-toggle="tab" href="#home">Home</a>
```

```
  </li>
```

```
  <li class="nav-item">
```

```
    <a class="nav-link" data-bs-toggle="tab" href="#contact">Contact</a>
```

```
  </li>
```

```
</ul>
```

Danh sách Tabs

```
<!-- Tab panes -->
```

```
<div class="tab-content">
```

```
  <div id="home" class="container tab-pane active"><br>
```

```
    <p>Nội dung tab Home</p>
```

```
  </div>
```

```
  <div id="contact" class="container tab-pane fade"><br>
```

```
    <p>Nội dung tab Contact</p>
```

```
  </div>
```

```
</div>
```

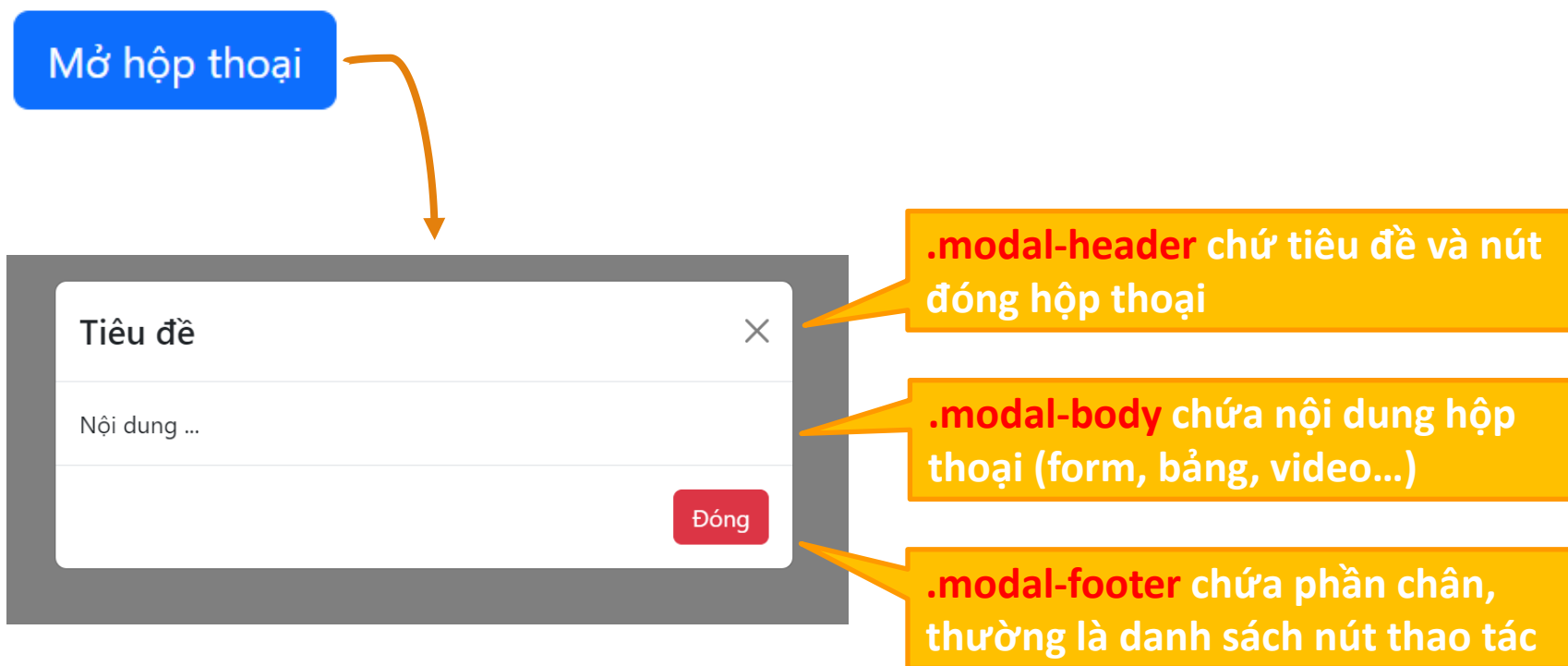
Nội dung Tabs



**Tạo 2 Tab:**

- Tab chứa Form nhập khách hàng
- Tab chứa Form hiển thị danh sách khách hàng

❑ **Hộp thoại Modal:** là một hộp thoại/cửa sổ bật lên được hiển thị ở đầu trang hiện tại. Ví dụ:





```
<button type="button" class="btn btn-primary" data-bs-toggle="modal" data-bs-target="#myModal">
```

Mở hộp thoại</button>

```
<!-- The Modal -->
```

```
<div class="modal" id="myModal">
```

```
  <div class="modal-dialog">
```

```
    <div class="modal-content">
```

```
      <!-- Modal Header -->
```

```
      <div class="modal-header">
```

```
        <h4 class="modal-title">Tiêu đề</h4>
```

```
        <button class="btn-close" data-bs-dismiss="modal"></button>
```

```
      </div>
```

```
      <!-- Modal body -->
```

```
      <div class="modal-body">Nội dung ...</div>
```

```
      <!-- Modal footer -->
```

```
      <div class="modal-footer">
```

```
        <button class="btn btn-danger" data-bs-dismiss="modal">Đóng</button>
```

```
      </div>
```

```
    </div>
```

```
</div>
```



## KẾT HỢP TABS VÀ MODAL

Tạo Modal chứa bên trong 2 Tab:

- Tab chứa Form Đăng nhập
- Tab chứa Form Đăng ký thông tin

- ☑ Thiết kế bảng Bootstrap
- ☑ Xây dựng form với Bootstrap
  - ☑ Tạo button
  - ☑ Button group
  - ☑ Dropdown menu
  - ☑ Button group
  - ☑ Button add-on
- ☑ Sử dụng tabs Bootstrap
- ☑ Modal Popup



Thank  
You

